TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117A**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/7/2019.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Công Tài.

+ Bà Phạm Thị Như Súy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thu Ng, sinh năm 1976. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Nh, sinh năm 1977. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2019 nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 27/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Ng trình bày: Chị và anh Lê Văn Nh xây dựng gia đình vào năm 1998, có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 31/11/1998. Việc kết hôn là tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc; nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn và anh Nh thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và anh Nh thường hay chửi bới, đánh đập chị. Năm 2012, chị và anh Nh

đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng đến nay anh Nh vẫn không thay đổi và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm K hơn. Cuối năm 2018, chị và anh Nh đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên vợ chồng không còn tình cảm. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Việt Tr, sinh ngày 28/10/1999 và Lê Đoàn Hoàng K, sinh ngày 18/10/2006. Cháu Tr đã thành niên, có khả năng lao động và đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Ng yêu cầu được nuôi cháu Lê Đoàn Hoàng K và không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị Ng không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Theo bản tự khai ngày 01/4/2019 và tại phiên hòa giải ngày 03/4/2019, bị đơn – anh Lê Văn Nh trình bày: Anh thống nhất với chị Ng về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có lời qua tiếng lại nhưng không đáng nên chị Ng yêu cầu ly hôn anh không thống nhất, anh mong muốn Tòa hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Việt Tr, sinh ngày 28/10/1999 và Lê Đoàn Hoàng K, sinh ngày 18/10/2006. Cháu Tr nay đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng giao cháu K cho chị Ng nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên hòa giải lần hai và trong quá trình xét xử, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nh đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Ng được ly hôn với anh Nh và giao con chung cho chị Ng nuôi dưỡng, anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh Lê Văn Nh tại Thôn P, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; chị Ng yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nh đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh Nh tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 31/11/1998 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị và anh Nh sống không hạnh phúc. Theo chị Ng, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn và anh Nh thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và anh Nh thường hay chửi bới, đánh đập chị. Năm 2012, chị và anh Nh đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng đến nay anh Nh vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được. Cuối năm 2018, chị và anh Nh đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị cương quyết ly hôn với anh Nh.

Tại biên bản xác minh ngày 12/4/2019, Ủy ban nhân dân xã Q cung cấp: *"...giữa chị Đoàn Thị Thu Ng và anh Lê Văn Nh có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không rõ"*. Tại phiên hòa giải lần hai và quá trình xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nh đều vắng mặt không có lý do, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị Ng và anh Nh đã không còn chung sống với nhau. Điều này thể hiện, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị Ng và anh Nh không thể hòa giải được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm K, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Ng là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Chị Ng và anh Nh có 02 con chung tên Lê Thị Việt Tr, sinh ngày 28/10/1999 và Lê Đoàn Hoàng K, sinh ngày 18/10/2006. Cháu Tr nay đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Ng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K. Tại bản tự khai và phiên hòa giải ngày 03/4/2019, anh Nh thống nhất giao cháu K cho chị Ng nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 06/5/2019, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu K cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu K cho chị Ng nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ng không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thu Ng về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị Thu Ng và anh Lê Văn Nh.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đoàn Hoàng K, sinh ngày 18/10/2006 cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên *(đủ 18 tuổi)*. Anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nh có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Ng phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006969 ngày 27/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Văn Thể